TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------** Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST Ngày: 05-01-2023 V/v: "Tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hữu Đệ
Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh: Bà Trịnh Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 703/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 199x

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, thành phố H; Nơi ở: Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 199x

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Đ, thành phố H.

Có mặt chị Hồng, anh Thi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 17/10/2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Chị kết hôn và anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng ở Thôn B, xã T, huyện Đ, thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhưng vẫn cố gắng chung sống. Đến ngày 26/4/2022, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, xảy ra cãi vã và anh T có đánh chị. Việc vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên có biết và hòa giải cho hai vợ chồng nên hai vợ chồng lại chung sống nhưng vẫn có những mâu thuẫn. Đến tháng 9 năm 2022, vợ chồng tiếp tục cãi vã và anh T lại đánh chị do mâu thuẫn

trong nhiều vấn đề. Sau sự việc đó hai vợ chồng sống ly thân, chị về ở cùng nhà mẹ đẻ tại Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H. Từ đó đến nay hai vợ chồng không liên hệ với nhau để dàn xếp mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng không tham gia hòa giải cho hai vợ chồng nữa. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng không thể hòa giải được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thành L, sinh ngày 03/9/2020. Hiện nay, hàng ngày cháu Linh ở với bố và ông bà nội, cuối tuần chị lại đón về ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Thi cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, chị đang ở cùng với bố, mẹ chị và vợ chồng em trai chị trên đất của bố mẹ chị có diện tích hơn 500m^2, trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sàn khoảng 80m^2, có đủ phòng để mẹ con chị ở và sinh hoạt cùng gia đình. Chị làm việc tại nhà cho một công ty liên quan đến may mặc thông qua một người quản lý, thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Thi yêu cầu được nuôi con nhưng chị không đồng ý. Lý do chị không đồng ý để anh Thi trực tiếp nuôi con vì con còn nhỏ, công việc của anh Thi hay phải làm đêm, phụ thuộc ông bà nội, ban ngày anh Thi vẫn hay phải ở xưởng nên không đảm bảo việc chăm sóc con. Anh Thi dạy con nói những lời không nên nói về mẹ. Nếu, chị không được nuôi con, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng theo yêu cầu của anh Thi.

Về tài chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn T trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị Hồng là anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 16/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng ở Thôn B, xã T, huyện Đ, thành phố H. Về mâu thuẫn, đúng là vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không làm tròn chức trách của một người vợ. Mẹ anh thì không vấn đề gì nhưng chị H luôn có hiềm khích với mẹ anh, chị H luôn sống theo ý mình không để ý đến văn hóa, cảm xúc của gia đình chồng và làng xóm. Việc chị H khai anh đánh chị thì anh không nhớ. Vợ chồng đã ly thân từ tối ngày 19/8/2022, chị H bỏ đi và đi đâu anh không rõ, còn anh vẫn ở nhà anh tại Thôn B, xã T, huyện Đ, thành phố H. Từ đó đến nay vợ chồng cũng có liên lạc với nhau nhưng không phải để hòa giải mà chỉ nói chuyện về con. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay hai gia đình cũng không gặp gỡ để dàn xếp, hòa giải cho hai vợ chồng nữa. Đến nay, anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị H yêu cầu ly hôn anh nhất trí và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thành L, sinh ngày 03/9/202x. Hiện nay, cháu L đang ở với anh và ông bà nội, cuối tuần về chơi với mẹ. Ly hôn, nguyện vọng của anh là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Hiện nay, anh làm kinh doanh mỡ trâu bò cùng gia đình, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Việc chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con anh không đồng ý vì thu nhập của chị H không ổn định, chỗ ở phải ở chung với ông bà ngoại và vợ chồng em trai.

Nếu chị H nuôi con sẽ phải đi học xa hơn, môi trường ở khu vực nhà chị H anh thấy có tỷ lệ tội phạm rất cao. Ông ngoại bị bệnh tim, bà ngoại đi chợ nên không có người hỗ trợ chị H trong việc trông nom chăm sóc con và chị H không biết đi xe máy. Nếu anh không được nuôi con, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bố chị H là ông Nguyễn Trọng N trình bày: Về việc kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H, anh T trình bày. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nay, chị H xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh, chị theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Thành L, sinh ngày 03/9/202x. Hiện nay, cháu L có sức khỏe tốt, phát triển bình thường và lúc ở với bố, lúc ở với mẹ. Nếu, anh chị ly hôn ông ủng hộ việc chị H nuôi con và gia đình ông sẽ tạo điều kiện tối đa về chỗ ở và hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L. Hiện nay, chị H đang ở cùng vợ chồng ông và vợ chồng con trai út tại nhà đất của ông ở Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H. Nhà, đất có đủ diện tích sinh hoạt cho mẹ con chị H và sau này ông sẽ cho chị H một phần đất để mẹ con có chỗ ở riêng.

Tại phiên tòa, có mặt chị H, anh T, hai bên vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và yêu cầu ly hôn như đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T; Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng và quyết định anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn đối với bị đơn là anh Đỗ Văn T, sinh năm 1993, Cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện Đ, thành phố H, do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "tranh chấp về ly hôn" và Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H ngày 16/01/2020 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống của hai vợ chồng và với gia đình chồng, mâu thuẫn vợ

chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết qủa và ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng xảy ra cãi vã và đánh nhau. Từ tháng 9/2022 đến nay, chị Hồng về ở cùng nhà mẹ đẻ tại Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H, hai vợ chồng không liên hệ với nhau để dàn xếp mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng không tham gia hòa giải cho hai vợ chồng, chị H, anh T sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã trầm trọng, kéo dài, chị H xác định không còn tình cảm với anh T và cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị H. Hôn nhân phải là sự tự nguyện, cố gắng xây dựng gia đình của cả vợ và chồng, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cả chị H và anh T cùng thống nhất ly hôn. Việc anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị H, anh T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H, anh T thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thành L, sinh ngày 03/9/202x. Chị H, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy: Chị H, anh T hiện nay đều có việc làm, thu nhập và cùng chung sống gia đình với bố, mẹ đẻ, gia đình hai bên đều tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chăm sóc con chung cho anh chị nên đều đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, các bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Tuy nhiên, cháu L hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Do vậy, cần giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, anh T đề nghị cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, xét thấy: Chị H có mức thu nhập trung bình khoảng 10.00.000 đồng/tháng, anh T có mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng nên đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng của anh T là phù hợp với thực tế thu nhập của anh chị và đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung nên cần ấn định mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là cháu Đỗ Thành L, sinh ngày 03/9/202x. Giao cháu Đỗ Thành L cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Đỗ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Ánh H là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2020/0047199 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP.Hà Nội;
- Chi cục THSDS huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 ngày 16/01/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)